

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-PT.

Ngày: 24-6-2022.

V/v: “Ly hôn, T/c nuôi con chung,
chia tài sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Bà Võ Thị Hồng Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:

Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 11/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do bản án Hôn nhân & gia đình sơ thẩm số: 21/2021/HNGĐ-ST ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị N, sinh năm 1972, có mặt

Cư trú tại: Thôn Q, xã H, H, Bình Định

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Bùi Văn P – Luật sư của Văn phòng Luật sư P – Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định, có mặt

- Bị đơn: Anh Võ Khôi S, sinh năm 1965, có mặt

Cư trú tại: Thôn Q, xã H, H, Bình Định

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm T, sinh năm 1943; Cư trú tại: Thôn Q, xã H, H, Bình Định, vắng mặt
2. Ông Cao Thanh S, sinh năm 1950; Khu phố n, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định, vắng mặt
3. Chị Võ Thị Như N sinh năm 2001; Cư trú tại: Thôn Q, xã H, H, Bình Định, có mặt
4. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam
Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc
Đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị H – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam thị xã H, có đơn xin xử vắng mặt.
Người kháng cáo: Bị đơn anh Võ Khôi S.
Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn chị Lý Thị N trình bày:

Chị và anh Võ Khôi S tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi sống chung hai người mua nhà và sống tại thôn Thôn Q, xã H, H, Bình Định. Trong cuộc sống chung, hai bên có sự mâu thuẫn, tuy sống chung một nhà nhưng đã ly thân nhau. Nay chị N yêu cầu tòa không công nhận là vợ chồng với anh S.

Về con chung: Có hai con chung tên Võ Thị Như N, sinh ngày 26/11/2001 và Võ Nguyệt L, sinh ngày 16/9/2006. Cháu N đã đủ tuổi trưởng thành, cháu L thì chị xin được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: một ngôi nhà trên phần đất có diện tích 1.168m² (trong đó có 200m² đất ở) tại thửa đất số 707, tờ bản đồ số 8 Thôn Q, xã H, H, Bình Định, tài sản trong nhà như bàn ghế, tivi, tủ lạnh, máy giặt ...

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội thị xã H 50.000.000 đồng. Ly hôn chị nhận nhà và thối lại tiền cho anh S. Nợ chia hai cùng trả.

Bị đơn anh Võ Khôi S trình bày:

Về quan hệ vợ chồng như chị N trình bày là đúng. Anh và chị N sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay chị Nga yêu cầu tòa tuyên bố anh và chị N không phải là vợ chồng, anh đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung như chị N khai. Tòa tuyên bố anh và chị N không phải là vợ chồng, anh đồng ý để con cho chị N nuôi, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Nhà, đất tại Thôn Q, xã H, H, Bình Định và tài sản chung như chị N khai. Nhà, đất này do anh bán nhà năm 2006 mới có tiền để mua. Anh xin được nhận nhà, thối lại giá trị cho chị N và đề nghị tính công sức đóng góp của anh để không bên nào bị thiệt thòi. Nếu chia đất cho chị N thì chia ít hơn. Anh thống nhất theo giá mà hội đồng định giá đã định.

Về khoản vay của Ngân hàng chính sách xã hội anh đồng ý trả 1/2 khi đến hạn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, đại diện bà Đặng Thị H Giám đốc ngân hàng chính sách xã hội thị xã H trình bày: Anh Võ Khôi S đại diện hộ gia đình có vay của Ngân hàng 50.000.000 đồng. Thời hạn cuối phải trả là ngày 07/3/2025, lãi suất 8,25%/năm. Nay anh S, chị N ly hôn thì Ngân hàng yêu cầu ai nhận nợ số tiền này thì phải trả cho Ngân hàng. Ngân hàng xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm T trình bày: Ông là hàng xóm của vợ chồng anh S, chị N. Anh S, chị N mua nhà đất liền kề với gia đình ông từ năm 2006. Từ đó giữa hai bên sử dụng ranh giới đất rõ ràng và cùng nhau xây dựng hàng rào chung. Hai bên không có tranh chấp gì về ranh giới. Ông xin được xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Thanh S trình bày: Ông có nhà, đất giáp ranh với nhà, đất của vợ chồng anh S, chị N. Anh S, chị N mua nhà đất liền kề với gia đình ông từ năm 2006. Từ đó giữa hai bên sử dụng ranh giới đất rõ ràng và cùng nhau xây dựng hàng rào chung. Hai bên không có tranh chấp gì về ranh giới. Ông xin được xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng ông Võ Tấn T trình bày: Năm 2006 anh S ở xã H nghe ông bán nhà, đất nên hỏi mua của ông. Ông có bán nhà, đất cho anh S với số tiền 41.000.000 đồng. Sau khi anh S đưa đủ tiền thì ông giao sổ đỏ cho anh S làm thủ tục. Khoảng 02 năm sau, anh S xây tường rào bằng gạch tấp lô, lúc xây hai bên đã xác định ranh giới rõ ràng nên tiến hành xây cố định. Hiện nay ông và anh S sử dụng đất ổn định không có tranh chấp nên ông không có yêu cầu gì. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Như N trình bày: Chị là con của anh S, chị N. Khi cha mẹ chị vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội thì chị là thành viên trong hộ gia đình trên 18 tuổi nên ký vào hợp đồng ủy quyền cho cha, mẹ chị vay vốn, chị không có liên quan gì. Chị xin được xét xử vắng mặt.

Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 21/2021/HNGĐ-ST ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 53, 92, 93, 94, 95, 97, 98 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 của Quốc hội khóa 10.

Căn cứ các Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Lý Thị N và anh Võ Khôi S là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Võ Nguyệt L, sinh ngày 16/9/2006 cho chị Lý Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

3/ Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lý Thị N không yêu cầu anh Võ Khôi S cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

4/ Về tài sản chung:

Giao cho chị Lý Thị N quyền sử dụng 603,5m² đất trong đó có 105m² đất ở, 498.5m² đất vườn có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: phần đất còn lại giao cho ông Võ Khôi S dài: 35.27m.
- Tây giáp: đất ông Võ Hồng Q dài 30.28m
- Nam giáp phần đất dùng làm lối đi vào đất giao cho ông Võ Khôi S dài 18.25m.
- Bắc giáp: đất bà L, ông T dài 18,95m.

Giao cho chị Lý Thị N được quyền sở hữu căn nhà cấp N7, N8 trên phần đất được giao có giá trị: 133.138.000 đồng (tròn số),

Giao cho chị Lý Thị N trọn quyền sở hữu: tivi TCL 43in có giá 3.500.000 đồng; salon gỗ tạp có giá 4.000.000 đồng; tủ lạnh SanYo có giá 2.000.000 đồng; máy giặt Aqua có giá 2.000.000 đồng, tổng tài sản khác có giá: 11.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chị Lý Thị N nhận là: 519.638.000 đồng.

Giao cho anh Võ Khôi S quyền sử dụng 603.5m² đất trong đó có 95m² đất ở và 508.5m² đất vườn có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: đất ông Cao Thanh S, ông Phạm T dài 24.11m, 18,46m.
- Tây giáp: phần đất còn lại giao cho bà Lý Thị N dài: 38.27m.

- Nam giáp: đất ông Bùi Văn T dài 5,88m; 11,7m phần đất dùng làm lối đi vào đất giao cho ông Võ Khôi S dài 18,25m.

- Bắc giáp: đất bà L, ông T dài 7,54m; 2,9m; 0,3m.

Giá trị tài sản anh Võ Khôi S nhận được là: 375.000.000 đồng

Chị Lý Thị N thôi trả giá trị chênh lệch do nhận tài sản có giá trị cao hơn cho anh Võ Khôi S số tiền là: $519.638.000 \text{ đồng} - 375.000.000 \text{ đồng} = (144.638.000 \text{ đồng} - 50.000.000 \text{ đồng trả Ngân hàng chính sách}) : 2 = 47.319.000 \text{ đồng}$.

Chị Lý Thị N, anh Võ Khôi S được sở hữu cây cối, hoa màu trên phần đất mình được giao.

Phần đất dùng làm lối đi vào phần đất giao cho chị Lý Thị N, anh Võ Khôi S có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: phần đất còn lại giao cho anh Võ Khôi S dài: 3m.

- Tây giáp: đường đi dài 2,58m

- Nam giáp: đất ông Bùi Văn T dài 17,98m

- Bắc giáp: phần đất giao cho chị Lý Thị N dài 18,25m.

Diện tích: 50,3m.

Có sơ đồ chi tiết kèm theo.

Đối với phần đất chị Nga, anh Sương được giao có tài sản khác, cây cối trên đất thì được quyền sở hữu tài sản, cây cối đó.

5/ Về nợ chung: Chị Lý Thị N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội thị xã H 50.000.000 đồng khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá tài sản, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/11/2021, bị đơn anh Võ Khôi S kháng cáo về phần chia tài sản chung, anh yêu cầu được nhận toàn bộ diện tích đất và nhà trên đất, thối lại $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất chị Lý Thị N.

Tại Quyết định kháng nghị số 621/QĐKNPT-VKS ngày 19/11/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định kháng nghị nội dung: Xem xét công sức đóng góp của ông Võ Khôi S trong khối tài sản chung là nhà, đất tại Thôn Q, xã H, H, Bình Định; Không tuyên phần đất dùng làm lối đi chung vào phần đất của ông Võ Khôi S có diện tích 50,3m² được giao cho người nào là ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự; Hội đồng định giá không định giá đất ở, giá đất vườn theo giá thị trường mà chỉ tính chung giá trị của thửa đất, gây khó khăn cho việc tính giá trị đất thực tế giao cho từng người.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn anh Võ Khôi S đồng ý chia tài sản chung cho chị Lý Thị N bằng hiện vật. Hiện nay chị N còn phải nuôi con dưới 18 tuổi, đề nghị Hội đồng xét xử chia tài sản chung theo công sức đóng góp của chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng khác cũng như các bên đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo hợp lệ, thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Sương chia tài sản chung cho chị N bằng hiện vật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn anh Võ Khôi S trong hạn luật định, hình thức và nội dung đơn đúng quy định, anh S đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định trong hạn luật định nên được xem xét theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm T, ông Cao Thanh S vắng mặt tại phiên tòa lần hai, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh thị xã H có đơn đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử những người vắng mặt nói trên.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm quyết định không công nhận chị Lý Thị N và anh Võ Khôi S là vợ chồng là có căn cứ. Anh S kháng cáo yêu cầu được nhận toàn bộ diện tích đất và nhà trên đất, thanh toán lại $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất chị N. Tại phiên tòa, anh S đồng ý chia tài sản chung cho chị N bằng hiện vật nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công sức đóng góp chia tài sản chung cho anh phần nhiều hơn. Xét kháng cáo của anh Võ Khôi S và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay cả anh S, chị N đều công nhận nguồn gốc nhà, đất thuộc thửa đất số 707, tờ bản đồ số 8, diện tích $1.168m^2$ (trong đó có $200m^2$) đất ở tại Thôn Q, xã H, H, Bình Định là do anh S đứng tên nhận chuyển nhượng lại của ông Võ Tấn T từ năm 2006 và nguồn tiền để nhận chuyển nhượng nhà, đất do anh S bán nhà, đất của anh tại xã H, thị xã H. Tuy nhiên, khi nhận chuyển nhượng nhà, đất nói trên đến nay, anh S

tự nguyện đồng ý để tên anh và chị N cùng đứng tên bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quá trình sử dụng nhà và đất đang tranh chấp năm 2020 anh S, chị N cùng sửa chữa phần nhà phía sau. Qua đó đã thể hiện ý chí của anh S trong thống nhất nhà, đất nói trên là tài sản chung của anh và chị N. Mặc dù giữa anh S và chị N sống chung như vợ chồng từ năm 1999, tuy không đăng ký kết hôn nhưng anh S, chị N có 02 con chung và hiện tại chị N đang nuôi 01 con chung dưới 18 tuổi nên chia cho chị N ½ diện tích đất tranh chấp để sử dụng là phù hợp. Xét thấy, anh S, chị N đều có nhu cầu nhận nhà, đất để ở, tuy nhiên cần phải xét đến nguồn gốc tài sản và công sức đóng góp của anh S trong khối tài sản chung này. Hiện anh S không có việc làm ổn định, còn phải thờ cúng ông bà, cha mẹ nên giao phần đất gắn liền với nhà mà cấp sơ thẩm chia cho chị N và ngược lại giao phần đất cấp sơ thẩm chia cho anh S cho chị N (sau khi trừ diện tích của lối đi chung) là phù hợp với công sức đóng góp của mỗi người trong khối tài sản chung này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh S.

[2.1] Theo biên bản định giá tại cấp sơ thẩm ngày 14/01/2021 thì diện tích đất thực tế chị N, anh S sử dụng là 1.257,3m² (trong đó có 200m² đất ở). Tại cấp sơ thẩm những người có ranh giới đất liền kề với đất của bà N, ông S đều xác nhận ranh giới đất giữa các bên và không có tranh chấp gì, đồng thời UBND thị xã H thừa nhận diện tích đất chênh lệch giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực tế sử dụng là do có sai sót trong quá trình đo đạc trước đây. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận diện tích đất của chị Lý Thị N, anh Võ Khôi S được quyền sử dụng theo diện tích đất thực tế hiện nay là 1257,3m². Tuy nhiên, theo kết quả định giá ngày 14/01/2021 Hội đồng định giá cấp sơ thẩm không định giá đất ở, giá đất vườn theo giá thị trường mà tính chung giá trị của thửa đất là không phù hợp và cũng không có căn cứ để tính giá trị đất thực tế giao cho từng người. Do đó ngày 26/4/2022, Hội đồng định giá cấp phúc thẩm đã tiến hành định giá đất ở và đất vườn theo giá thị trường, cụ thể: giá đất ở là 2.000.000đ/m²; giá đất vườn là 500.000đ/m². Sau khi trừ diện tích của lối đi chung thì giá trị của thửa đất được tính như sau:

Đất ở: 200m² x 2.000.000đ/m² = 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng)

Đất vườn: 1.007m² x 500.000đ/m² = 503.500.000đ (Năm trăm lẻ ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Theo biên bản định giá ngày 14/01/2021 nhà trên đất trị giá: 133.138.000 đồng (tròn số), tivi TCL 43in có giá 3.500.000 đồng; salon gỗ tạp có giá 4.000.000 đồng; tủ lạnh SanYo có giá 2.000.000 đồng; máy giặt Aqua có giá 2.000.000 đồng, tổng tài sản khác có giá: 11.500.000 đồng. Về giá trị các tài sản này, anh S, chị N thống nhất không yêu cầu định giá lại.

Như vậy, tổng giá trị nhà, đất và các tài sản khác của chị N, anh S là 1.048.138.000đ (400.000.000đ + 503.500.000đ + 133.138.000đ + 11.500.000đ). Chị

Nga, anh Sương mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là 524.069.000đ (1.048.130.000đ : 2).

[2.2] Việc chia đất và tài sản gắn liền với đất cụ thể như sau:

- Giao cho anh Võ Khôi S quyền sử dụng 603,5m² đất (phần thứ 1), trong đó có 105m² đất ở, 498.5m² đất vườn có kích thước và giới cận như sau:

Đông giáp phần đất còn lại chia cho chị Lý Thị N dài: 35.27m.

Tây giáp đất ông Võ Hồng Q dài 30.28m

Nam giáp phần đất (phần thứ 3) dùng làm lối đi chung dài 18.25m.

Bắc giáp đất bà L, ông T dài 18,95m.

Giao cho anh Võ Khôi Sương được quyền sở hữu căn nhà cấp N7, N8 trên phần đất được giao có giá trị: 133.138.000 đồng (tròn số).

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Tổng giá trị tài sản anh Võ Khôi S nhận được là: 592.388.000 đồng.

1.2 Giao cho chị Lý Thị N quyền sử dụng 603.5m² đất (phần thứ 2), trong đó có 95m² đất ở và 508.5m² đất vườn có kích thước và giới cận như sau:

Đông giáp đất ông Cao Thanh S, ông Phạm T dài 24.11m, 18,46m.

Tây giáp phần đất giao cho anh Võ Khôi S dài: 38.27m.

Nam giáp đất ông Bùi Văn T dài 5,88m; 11,77m.

Bắc giáp đất bà L, ông T dài 7,54m; 2,90m; 0,30m.

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Giao cho chị Lý Thị N trọn quyền sở hữu: ti vi TCL 43in trị giá 3.500.000 đồng; salon gỗ tạp trị giá 4.000.000 đồng; tủ lạnh SanYo trị giá 2.000.000 đồng; máy giặt Aqua trị giá 2.000.000 đồng. Tổng tài sản khác trị giá: 11.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chị Lý Thị N nhận được là: 455.750.000 đồng.

Anh Võ Khôi Sương nhận tài sản có giá trị nhiều hơn chị N nên anh S phải có trách nhiệm thanh toán nợ chung cho Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã H 50.000.000đ và thanh toán cho chị N số tiền chênh lệch 43.319.000đ, cụ thể:

592.388.000 đồng - 455.750.000 đồng = (136.638.000 đồng – 50.000.000 đồng trả Ngân hàng chính sách) : 2 = 43.319.000đ.

Chị Lý Thị N, anh Võ Khôi S được sở hữu cây cối, hoa màu trên phần đất mình được giao.

[2.3] Đối với phần đất (phần thứ 3) dùng làm lối đi chung vào phần đất giao cho anh Võ Khôi S và chị Lý Thị N có diện tích và tứ cận như sau:

Đông giáp phần đất giao cho chị Lý Thị N dài: 3m.

Tây giáp đường đất dài 2,58m

Nam giáp thửa đất ông Bùi Văn T dài 17,98m

Bắc giáp phần đất giao cho anh Võ Khôi S dài 18,25m.

Diện tích: 50,3m².

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Phần diện tích 50,3m² này là lối đi chung của anh S và chị N. Anh S, chị N đều được quyền sử dụng diện tích này làm lối đi chung. Không ai được quyền cản trở việc sử dụng diện tích lối đi chung này của anh S, chị N.

[3] Về nợ chung: Do anh Võ Khôi S nhận được phần tài sản có giá trị hơn chị Lý Thị N nên anh S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội thị xã H 50.000.000 đồng khi Ngân hàng có yêu cầu.

[4] - Về chi phí định giá tài sản tại cấp sơ thẩm: Chị Lý Thị N đã tạm ứng 2.000.000 đồng, ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Võ Khôi S trả số tiền này.

- Về chi phí định giá tài sản tại cấp phúc thẩm là 5.000.000đ. Anh S đã nộp tạm ứng đủ nên chị N phải thanh toán lại ½ chi phí định giá là 2.500.000đ cho anh S.

[5] Về án phí:

- Án phí chia tài sản chung và nợ chung: Tổng giá trị tài sản của chị Lý Thị N, anh Võ Khôi S là 1.048.138.000đ. Chị Nga, anh Sương mỗi người được nhận ½ giá trị tài sản chung là 524.069.000đ nên chị N, anh S mỗi người phải chịu 24.962.760 đồng án phí chia tài sản chung và thanh toán nợ chung.

- Án phí phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Võ Khôi S nên anh S không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Võ Khôi S, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Phát biểu của đại diện VKSND tỉnh Bình Định tại phiên tòa về việc tuân thủ theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và về việc giải quyết vụ án là có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 59, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84, 110, khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Võ Khôi S.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định.

Sửa quyết định của bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 21/2021/HNGĐ-ST ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định về phần chia tài sản chung và nợ chung.

1. Về tài sản chung và nợ chung:

1.1 Giao cho chị Lý Thị N quyền sử dụng 603.5m² đất (phần thứ 2), trong đó có 95m² đất ở và 508.5m² đất vườn có kích thước và giới cận như sau:

Đông giáp đất ông Cao Thanh S, ông Phạm T dài 24.11m, 18,46m.

Tây giáp phần đất giao cho anh Võ Khôi S dài: 38.27m.

Nam giáp đất ông Bùi Văn T dài 5,88m; 11,77m.

Bắc giáp đất bà L, ông T dài 7,54m; 2,90m; 0,30m.

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Giao cho chị Lý Thị N trọn quyền sở hữu: ti vi TCL 43in trị giá 3.500.000 đồng; salon gỗ tạp trị giá 4.000.000 đồng; tủ lạnh SanYo trị giá 2.000.000 đồng; máy giặt Aqua trị giá 2.000.000 đồng. Tổng tài sản khác trị giá: 11.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chị Lý Thị N nhận được là: 455.750.000 đồng.

1.2 Giao cho anh Võ Khôi Sương quyền sử dụng 603,5m² đất (phần thứ 1), trong đó có 105m² đất ở, 498.5m² đất vườn có kích thước và giới cận như sau:

Đông giáp phần đất còn lại chia cho chị Lý Thị N dài: 35.27m.

Tây giáp đất ông Võ Hồng Q dài 30.28m

Nam giáp phần đất (phần thứ 3) dùng làm lối đi chung dài 18.25m.

Bắc giáp đất bà L, ông T dài 18,95m.

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Giao cho anh Võ Khôi S được quyền sở hữu căn nhà cấp N7, N8 trên phần đất được giao có giá trị: 133.138.000 đồng (tròn số).

Tổng giá trị tài sản anh Võ Khôi S nhận được là: 592.388.000 đồng.

Anh Võ Khôi S có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị chênh lệch do nhận tài sản có giá trị nhiều hơn cho chị Lý Thị N số tiền 43.319.000đ (Bốn mươi ba triệu ba trăm mười chín ngàn đồng).

Chị Lý Thị N, anh Võ Khôi S được sở hữu cây cối, hoa màu trên phần đất mình được giao.

1.3 Diện tích đất 50,3m² (phần thứ 3) dùng làm lối đi chung vào phần đất giao cho anh Võ Khôi S và chị Lý Thị N có diện tích và tứ cận như sau:

Đông giáp phần đất giao cho chị Lý Thị N dài: 3m.

Tây giáp đường đất dài 2,58m

Nam giáp thửa đất ông Bùi Văn T dài 17,98m

Bắc giáp phần đất giao cho anh Võ Khôi S dài 18,25m.

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Phần diện tích 50,3m² này là lối đi chung của anh S và chị N. Anh S, chị N đều được quyền sử dụng diện tích này làm lối đi chung. Không ai được quyền cản trở quyền sử dụng lối đi chung hay chiếm hữu, sử dụng vì mục đích riêng.

1.4 Về nợ chung: Anh Võ Khôi S phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã H 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và nợ lãi phát sinh khi có yêu cầu cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã H.

2. Về chi phí định giá tài sản:

- Chi phí định giá tại cấp sơ thẩm: Chị Lý Thị N đã tạm ứng 2.000.000 đồng, ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu ông Võ Khôi S trả số tiền này.

- Về chi phí định giá tài sản tại cấp phúc thẩm: Chị N phải thanh toán lại ½ chi phí định giá là 2.500.000đ cho anh S.

3. Về án phí: Sửa án phí chia tài sản chung và nợ chung.

- Chị Lý Thị N phải chịu 24.962.760 đồng (hai mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm sáu mươi đồng) án phí chia tài sản chung và nợ chung.

Anh Võ Khôi S phải chịu 24.962.760 đồng (hai mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm sáu mươi đồng) án phí chia tài sản chung và nợ chung.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Võ Khôi S không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại anh Võ Khôi S 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh S đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001619 ngày 05/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã

H, tỉnh Bình Định nhưng tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án khoản án phí khác.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã H;
- TAND thị xã H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nghĩa